

# NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH CÔNG DÂN TOÀN CẦU

 NGUYỄN THỊ HUƠNG MAI\*

Ngày nhận: 04/6/2021

Ngày phản biện: 15/6/2021

Ngày duyệt đăng: 01/7/2021

**Tóm tắt:** Trở thành công dân toàn cầu hiện nay có nhiều người Việt lựa chọn, đặc biệt là người Việt trẻ. Công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu đối mặt với những thuận lợi và khó khăn đem lại cho bản thân, gia đình, đất nước. Có nhiều cách thức để trở thành công dân toàn cầu như xuất khẩu lao động, du học, hôn nhân, nhận con nuôi và du lịch. Người Việt cần phát huy những điều kiện thuận lợi và khắc phục khó khăn khi muốn trở thành công dân toàn cầu. Nhà nước là nhân tố quan trọng để công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu.

**Từ khóa:** Công dân toàn cầu; thuận lợi; khó khăn.

## ADVANTAGES AND DIFFICULTY OF VIETNAM CITIZEN IN STRIVING TO BECOME A GLOBAL CITIZEN

**Abstract:** Becoming a global citizen today is chosen by the Vietnamese, especially young Vietnamese. Vietnamese citizens who become global citizens have to face the advantages and disadvantages brought to themselves, their families and the country. There are many ways to become a global citizen such as labor export, study abroad, marriage, adoption, and travel. Vietnamese people need to promote but favorable conditions and overcome difficulties when they want to become a global citizen. The state is an important factor for Vietnamese citizens to become global citizens.

**Keywords:** Global citizens; advantages; disadvantages.

### 1. Đặt vấn đề

Trở thành công dân toàn cầu hiện nay có nhiều người Việt lựa chọn đặc biệt là người Việt trẻ, cũng giống như những con đường theo nghĩa đen, con đường trở thành công dân toàn cầu có thể là con đường dễ dàng với người này hoặc khó khăn với người khác và mỗi người trong quá trình biến mình từ chỉ là công dân của nước Việt Nam thành công dân của một nước khác, hay có visa đến nhiều nước khác lao động, sinh sống, học tập... sẽ sử dụng phương tiện, cách thức khác nhau. Trong khuôn khổ của bài viết này, tác giả muốn chỉ ra những thuận lợi và khó khăn trên con đường trở thành công dân toàn cầu của người Việt Nam và lợi ích khi công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu đem lại cho gia đình và đất nước.

### 2. Khái niệm công dân Việt Nam và công dân toàn cầu

#### 2.1. Công dân Việt Nam

Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 điều 17: "Công dân nước Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam"[2, tr.5]. Như vậy, có thể hiểu công dân Việt Nam là những người có quốc tịch Việt Nam, hiện nay đang sinh sống, làm việc, học tập tại Việt Nam hoặc nước ngoài được đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hiến pháp và hệ thống các văn bản pháp luật của Việt Nam ban hành, Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Công dân Việt Nam được hưởng quyền và phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân đối với nhà nước. Quyền và nghĩa vụ công dân Việt Nam được quy định trong hiến pháp, luật và các văn bản pháp luật khác.

Quyền lợi chính đáng của công dân Việt Nam là: làm việc, học tập, công tác và định cư ở nước ngoài được nhà nước Việt Nam bảo hộ.

Nghĩa vụ chính của công dân Việt Nam là: Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn

\* Trường Đại học Công đoàn

xã hội, giữ gìn bí mật quốc gia, chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng. Công dân có nghĩa vụ đóng thuế và lao động công ích theo quy định của pháp luật...

## 2.2. Công dân toàn cầu

Có nhiều quan niệm về công dân toàn cầu (global citizen hay world citizen). Trong đó có hai quan niệm nhận được sự đồng thuận cao, đó là của: UNESCO và Oxfam Education.

Theo UNESCO "Công dân toàn cầu đề cập đến cảm nhận thuộc về một cộng đồng rộng lớn và có tính nhân văn chung nhấn mạnh mối liên kết lẫn nhau và sự phụ thuộc lẫn nhau về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa giữa địa phương, quốc gia và toàn cầu" [8].

Theo Oxfam Education: Công dân toàn cầu sẽ có nhận thức và am hiểu tốt về thế giới rộng lớn - nơi họ thuộc về. Họ thể hiện vai trò tích cực trong cộng đồng, cùng chung tay với những người khác làm cho hành tinh trở nên bình đẳng, công bằng và phát triển bền vững hơn [7].

Ở Việt Nam, khái niệm công dân toàn cầu được cho là đã xuất hiện trong các công trình nghiên cứu nhưng đến nay vẫn chưa có một định nghĩa hoàn chỉnh và được chính thức công nhận. Dựa trên nhiều quan niệm, tựu chung lại có thể hiểu:

Công dân toàn cầu là: *Những người có ít nhất một vài trong số các tính chất sau: đi lại nhiều nơi trên thế giới, có nhiều hơn một quốc tịch, tiếp xúc trực tiếp thường xuyên với những người từ các nước khác nhau, có hiểu biết về văn hoá của nhiều nước trên thế giới, có mức thu nhập ở tầm quốc tế, có ảnh hưởng hay đóng góp đến nhiều nước...*

## 3. Những đặc điểm cơ bản của công dân toàn cầu

Hiện nay khi thuật ngữ công dân toàn cầu ngày càng phổ biến hơn thì những đặc điểm để nhận biết về công dân toàn cầu có nhiều quan niệm, nhưng theo tác giả sẽ có 3 đặc điểm chính, có thể gọi là 3G, đó là:

- Global Knowledge (Kiến thức toàn cầu). Kiến thức ở đây phải được hiểu theo nghĩa rộng, đó là kiến thức ngoại ngữ để giao tiếp (những người là công dân toàn cầu cần thiết phải trang bị cho mình một, một vài ngoại ngữ phổ biến, để giao tiếp trong cuộc sống cũng như trong công việc, học tập, nghiên cứu); kiến thức còn được hiểu là kiến thức chuyên ngành, kiến thức cuộc sống...

- Global Skills - Kỹ năng toàn cầu. Bên cạnh vốn hiểu biết của bản thân, người công dân toàn cầu cần có kỹ năng. Kỹ năng được chia ra làm hai nhóm: kỹ

năng chuyên môn và kỹ năng mềm, cách thức sống, làm việc và học tập trong môi trường toàn cầu [6].

- Global employment (việc làm toàn cầu). Muốn duy trì cuộc sống của mình và gia đình, thì công dân toàn cầu không thể thiếu việc làm để có thu nhập. Khi công dân toàn cầu có kiến thức và kỹ năng toàn cầu, thì họ sẽ dễ dàng có những công việc toàn cầu.

Dù công dân toàn cầu được hình thành theo những nguồn gốc nào, để tồn tại trong môi trường thế giới mở như hiện nay thì các công dân toàn cầu cần có những tiêu chuẩn trên. Các tiêu chuẩn trên đòi hỏi một quá trình học tập, trau dồi kiến thức, học hỏi kinh nghiệm thường xuyên và lâu dài.

Nguồn gốc xuất hiện các công dân toàn cầu có nhiều nguyên nhân, nhưng phải kể đến những nguyên nhân chính đó là:

- Sự phát triển của các công ty xuyên quốc gia, do sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản - sự thay đổi trong cách thức xuất khẩu tư bản. Các nhà tư bản không chỉ tập trung tận dụng nguồn nhân lực ở các nước nhận tư bản mà đã có nhưng bước dịch chuyển lao động, đưa lao động từ các nước có công ty con, công ty cháu về làm việc tại công ty mẹ ở chính quốc.

- Sự thiếu hụt lao động ở các nước phát triển  
+ Lao động trình độ cao cho các công ty, nhà máy lớn thuộc nhiều lĩnh vực ở Pháp, Mỹ, Anh, Đức... do dân số các nước này đang trong giai đoạn dân số già.

+ Lao động giản đơn cho các gia đình cần người giúp việc nhà, tạo thành xu hướng xuất khẩu giúp việc đi các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Ả Rập, Đài Loan... Bên cạnh đó lao động Việt Nam còn đến những nơi cần lao động làm các công việc tại các cửa hàng, nhà xưởng cần lao động phổ thông như ở Pháp, Nga, Canada...)

- Trải qua các cuộc chiến tranh, nhiều người Việt di cư (theo cách chính thống - có giấy tờ và được xuất, nhập cảnh hợp lệ và không chính thống - vượt biên trái phép) sang nước ngoài tạo nên thế hệ gốc người Việt ở nhiều nước trong đó phải kể đến cộng hòa Séc ngày 3 tháng 7 năm 2013 đã thừa nhận Việt Nam cũng là một dân tộc thiểu số thuộc quốc gia này, bên cạnh đó lượng người gốc Việt ở các nước Pháp, Mỹ, Nhật, Trung Quốc... rất nhiều tạo nên cộng đồng người Việt ở các nước. Hiện nay, bên cạnh những người Việt đã di cư lâu thì có một bộ phận người Việt di cư sang các nước bằng con đường hôn nhân, được nhận làm con nuôi vậy nên, các thế hệ người gốc Việt mới ra đời có thể mang nhiều dòng máu và quốc tịch.

#### 4. Những thuận lợi và khó khăn của công dân Việt Nam trong quá trình phấn đấu trở thành công dân toàn cầu

Để trở thành công dân toàn cầu có 4 cách thức chính đó là xuất khẩu lao động trực tiếp sang các nước, du học để sau đó ở lại lao động hoặc định cư; hôn nhân; được nhận làm con nuôi và vượt biên trái phép. Tuy nhiên trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến 3 cách thức trở thành công dân toàn cầu của các công dân Việt Nam được nhà nước cho phép. Những thuận lợi và khó khăn của công dân Việt Nam trong quá trình phấn đấu trở thành công dân toàn cầu đó là:

##### 4.1. Thuận lợi

###### + Xuất khẩu lao động:

Theo Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Nguyễn Thị Hà: “Năm 2017, xuất khẩu lao động đạt được con số kỷ lục với trên 134 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài, vượt 28,3% so với kế hoạch năm. Năm 2018 tiếp tục là một năm thành công trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, với tổng số lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài đạt hơn 142 nghìn người, vượt 30% so với kế hoạch, là năm thứ năm liên tiếp có số lượng vượt mức 100.000 lao động. Riêng 6 tháng đầu năm 2019, Việt Nam đã có tổng số gần 67 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài, đạt 55,82% kế hoạch năm 2019. Tính chung từ năm 2006 đến nay, Việt Nam đã đưa được hơn 1 triệu lao động đi làm việc ở nước ngoài” [5].

Các thị trường chính tiếp nhận số lượng lao động Việt Nam lớn đó là:

Theo Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Nguyễn Thị Hà thì: các thị trường chính của Việt Nam tiếp tục được củng cố và tăng cường, đặc biệt là thị trường khu vực Đông Bắc Á, Trung Đông, Malaysia và gần đây một số thị trường châu Âu cũng có những tín hiệu tích cực về việc tiếp nhận lao động Việt Nam. Các quốc gia phát triển có thu nhập cao như Australia, Mỹ, Canada, Phần Lan và Italy cũng là mục tiêu xuất khẩu lao động Việt Nam hướng đến.

Những thuận lợi đối với lao động Việt Nam khi xuất khẩu sang các thị trường chính đó là:

*Thứ nhất:* Lao động Việt Nam có tuổi đời trẻ vì Việt Nam đang có lợi thế nằm trong thời kỳ dân số vàng. Những người lao động chịu khó, siêng năng có thể làm thêm giờ và chịu nhận thêm các công việc khác. Vì Việt Nam là một nước kinh tế đang phát triển, nên nhiều vùng điều kiện lao động khó khăn, người lao động đã quen với môi trường lao động khắc nghiệt, như miền Trung của Việt Nam, vùng núi...

*Thứ hai:* Trình độ ngày càng được nâng lên. Hiện

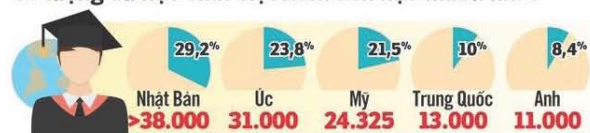
nay ở Việt Nam để đáp ứng nhu cầu nhiều người cần xuất khẩu lao động, nên nhiều trung tâm giáo dục, dạy nghề được thành lập hướng dẫn định hướng cho người lao động các loại hình lao động và các thị trường lao động, để người lao động căn cứ vào khả năng, trình độ, hoàn cảnh của mình để lựa chọn. Trong chương trình giáo dục phổ thông, học sinh cũng được học ngoại ngữ phổ biến là tiếng Anh, nên đây là một lợi thế cho lao động Việt Nam.

*Thứ ba:* về phía Nhà nước, từ cuối năm 2013 đến nay, 06 văn bản mới về xuất khẩu lao động đã được ban hành. Trong đó, đáng lưu ý là một số về quy định tiền ký quỹ, theo Thông tư số 21/2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị định số 95/2013/NĐ-CP. Vấn đề xuất khẩu lao động được Đảng và Nhà nước Việt Nam khuyến khích tạo điều kiện, đây cũng là lợi thế quan trọng để xuất khẩu lao động.

###### + Du học

Theo số liệu của cục Hợp tác quốc tế (Bộ Giáo dục - Đào tạo) hiện có hơn 170.000 du học sinh Việt Nam đang học tập ở nước ngoài. Trong đó có hơn 6.000 người theo các chương trình học bổng hiệp định, để án của chính phủ, còn lại là du học tự túc, chiếm đến 96,5%. Trong một nghiên cứu về giá trị giáo dục, HSBC ước tính chi phí du học của du học sinh Việt Nam vào khoảng 3 tỉ USD mỗi năm. Du học sinh Việt Nam luôn nằm trong top 10 những du học sinh tại Mỹ, Nhật, Úc, ngoài ra các học sinh của Việt Nam còn đến các nước khác như Pháp, Đức, Anh, Hàn Quốc, Nga... các du học sinh học nhiều cấp từ Trung học phổ thông, đến đại học, sau đại học bằng nguồn vốn của Nhà nước, học bổng của các nước hoặc chi phí tự túc. Rất nhiều du học sinh sau khi học tập tại các nước ở lại tham gia vào thị trường lao động (đặc biệt những người đi du học tự túc) từ đó có thể được cấp thẻ xanh, visa du học của các nước đến du học, dễ dàng đi lại giữa các nước và trở thành công dân toàn cầu.

#### Số lượng du học sinh Việt Nam đến học nhiều nhất



Theo thống kê của tác giả Ngọc Hà thực hiện năm 2018 [1]

Hiện nay việc người Việt Nam đi du học ngày càng dễ dàng vì:

**Chương trình đào tạo:** Chương trình đào tạo của Bộ giáo dục Việt Nam ban hành ngày càng phù hợp với chương trình đào tạo của nhiều nước trên thế giới, vì vậy người học có thể dễ dàng tham gia xin các học bổng của các nước.

**Trình độ ngoại ngữ:** chúng ta đều biết rằng khi phá được rào cản ngôn ngữ là chúng ta có thể đi du học dễ dàng, hiện nay với nhiều trung tâm ngoại ngữ uy tín, nhiều người nước ngoài đến Việt Nam và tham gia giảng dạy ngoại ngữ ở các trung tâm, liên kết với các trường học từ tiểu học đến cấp cao hơn, giúp thế hệ trẻ người Việt có trình độ ngoại ngữ ngày càng được nâng cao. Nhiều trung tâm còn liên kết giúp trao đổi học sinh hoặc tổ chức các hoạt động như "trại hè", giúp nhiều học sinh từ cấp 2, cấp 3 có thể sang các nước nói tiếng Anh, Pháp, Đức... vào thời gian nghỉ hè học tập, giao tiếp nâng cao trình độ, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ.

**Quý học bổng:** hiện nay ngày càng có nhiều học bổng đến từ các chính phủ, tổ chức thế giới và cá nhân cấp cho Việt Nam nhiều cấp học, nhiều ngôn ngữ để người học lựa chọn ngôn ngữ, nước đến du học. Những nước có chương trình hỗ trợ học sinh Việt Nam đi du học có thể kể đến như Pháp, hiện nay có hệ thống trường có lớp song ngữ Pháp-Việt ví dụ ở Hà Nội, học sinh học cấp tiểu học như các trường Nguyễn Tri Phương, Thành công A, Nghĩa Đô... liên thông cấp 2 lên các trường như Chu Văn An, Giảng Võ, Trưng Vương sau đó học đến cấp 3 có trường Amsterdam, Chu Văn An, trong quá trình học có hai học bạ: một là học bạ như các học sinh các lớp bình thường khác ngoài ra còn có học bạ tiếng Pháp. Học bạ tiếng Pháp theo chương trình giáo dục song ngữ này được nhiều trường đại học Pháp công nhận. Rất nhiều các nước có học bổng ưu đãi cho người Việt Nam như Úc, New Zealand, Mỹ, Canada, Đức, Thụy Sĩ...

**Chính sách của Nhà nước:** Trong xu thế hội nhập, Nhà nước Việt Nam có mối quan hệ hòa hữu với các nước trên thế giới, từ đó tạo điều kiện cho sự hợp tác trao đổi học sinh, sinh viên với nhiều nước và đồng thời thu hút nhiều nước cấp học bổng cho công dân Việt Nam đi du học. Nhà nước, Chính phủ Việt Nam cũng có nhiều chính sách hỗ trợ các công dân ra nước ngoài học tập và những quy định rất rõ về việc ra nước ngoài học tập của công dân như: Quy định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 1 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ Quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập [4].

+ *Hôn nhân, nhận con nuôi, du lịch*  
*Hôn nhân, nhận con nuôi*

Trong xu thế hội nhập nhiều công dân nước ngoài

đến Việt Nam làm việc, hay thông qua mạng Internet - nhiều trang mạng xã hội phải kể đến là facebook, youtube, Twitter, Google plus... phát triển giúp cho việc làm quen, giao lưu qua mạng internet giữa các công dân các nước càng dễ dàng, phổ biến - thế giới ngày càng "phẳng" hơn. Nhiều trung tâm môi giới hôn nhân trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam thông qua nhiều kênh liên hệ với những người cần kết hôn, từ đó nhiều cuộc hôn nhân đã được tạo thành, bên cạnh đó, việc nhận con nuôi người Việt cũng ngày càng dễ dàng hơn, nhiều hơn, điều này đã làm cho công dân Việt Nam di chuyển sang các nước khác và từ đó là cơ sở trở thành công dân toàn cầu.

#### **Du lịch**

Thông qua con đường du lịch, công dân Việt Nam có cơ hội khám phá các đất nước, con người từ có cái nhìn đa chiều về cuộc sống, môi trường làm việc... từ đó có thêm kinh nghiệm trong cuộc sống, học tập và lao động. Hiện nay, việc người Việt Nam đi du lịch ngày càng phổ biến do các công ty du lịch Việt Nam phát triển và nhiều công ty du lịch nước ngoài đặt chi nhánh ở Việt Nam. Nhiều người có thể chọn du lịch theo tour của các công ty du lịch hoặc du lịch tự túc, nhiều quốc gia đã nới lỏng việc cấp visa du lịch cho công dân Việt Nam hay nói một cách khác nhiều nước cho công dân Việt Nam đến nước mình mà không cần Visa chỉ cần hộ chiếu: Với cuốn hộ chiếu xanh cho công dân Việt Nam, người Việt có thể đi du lịch khoảng 50 quốc gia & vùng lãnh thổ trong một khoảng thời gian nhất định mà không cần xin visa (trong đó có 15 nước miễn visa chủ yếu thuộc châu Á và châu Mỹ; những nước còn lại cấp visa tại sân bay hoặc miễn visa có điều kiện).

#### **4.2. Khó khăn**

Có nhiều cách để công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu, tuy nhiên cũng có những khó khăn cho quá trình này đó là:

+ **Khó khăn chung:**

**Trình độ ngoại ngữ:** Nhìn chung trình độ ngoại ngữ của người Việt còn thấp do nhiều vùng sâu, xa khó khăn, ít giáo viên dạy ngoại ngữ tốt, ít điều kiện tiếp xúc với người nước ngoài, nên không thể thực hành ngôn ngữ làm cho phát âm không chuẩn. Nhiều người lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc gặp khó khăn khi giao tiếp với người bản xứ, từ đó tạo khoảng cách, khó hiểu nhau, không làm đúng ý người sử dụng lao động. Nhiều du học sinh dù đạt yêu cầu của các học bổng, hay điều kiện du học, nhưng khi sang các nước để học tập cũng khó theo được bài học do vốn từ còn ít, nghe kém các âm điệu, đòi hỏi những du học sinh phải nỗ lực rất lớn.

*Tự tin giao tiếp.* Trong môi trường giáo dục của Việt Nam những năm gần đây đã có những cải tiến đáng kể, giúp học sinh không chỉ học lý thuyết mà còn được thực hành, không chỉ ngồi trong trường lớp, mà còn có những chương trình ngoại khóa giúp cho học sinh tăng khả năng giao tiếp. Nhiều người lao động, du học sinh khởi đầu ngoại ngữ chưa tốt nhưng tự tin, mạnh dạn giao tiếp giúp nâng cao khả năng ngoại ngữ và các kỹ năng sống.

*Kỷ luật, ý thức về môi trường:* Những người lao động Việt Nam bị nhiều quốc gia tiếp nhận đánh giá thiếu tính kỷ luật, nhiều người Việt ảnh hưởng tác phong sống của nước nông nghiệp, làm việc không có tính chính xác thời gian, tập trung trong lao động khi sống ở các quốc gia có nền công nghiệp phát triển, đặc biệt là các quốc gia châu Âu, Mỹ- những nơi có cách thức sinh hoạt khác biệt rất nhiều với Việt Nam từ tác phong làm việc, văn hóa nói chung, ẩm thực nói riêng - có những người Việt khi ra nước ngoài phải mất thời gian dài thích nghi với điều kiện các nước khác.

Ngoài ra, người Việt khi ra nước ngoài sinh sống cũng phải đối diện với sự phân biệt chủng tộc, sắc tộc, nhiều quốc gia cũng có những người còn sự kỳ thị với người Châu Á, người da vàng thông qua ứng xử, khu nhà ở...

*Khả năng tự lập trong cuộc sống và tư duy độc lập*

Có nhiều nguyên nhân từ việc được giáo dục trong gia đình, nhà trường, xã hội mà có những công dân Việt Nam khi ra nước ngoài kém về khả năng tự lập vì quen được bao bọc, ỷ lại, thiếu kiến thức về kỹ năng sống. Nhiều gia đình mất rất nhiều tiền cho con đi du học, xong phải chấp nhận cho con về nước, vì con không tự lo được cho bản thân khi xa cánh tay của cha mẹ. Hay những người lao động đi xuất khẩu cũng có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào những người cùng đoàn, người giới thiệu công việc, thụ động trong công việc, không thích nghi, theo kịp nhịp sống, làm việc tại nước nhập khẩu lao động.

+ *Những khó khăn riêng*

*Xuất khẩu lao động*

Người lao động có trình độ thấp do xuất phát nhiều người lao động từ các vùng quê nghèo, ngoài ngoại ngữ thì kỹ năng sử dụng đồ dùng hiện đại cũng là thách thức đối với những người Việt xuất khẩu lao động đi giúp việc các nước có nền kinh tế và cuộc sống hiện đại.

*Du học*

Trong chương trình giáo dục ở Việt Nam thiếu sự định hướng cho học sinh về tư duy nghề nghiệp, gia

đình ít quan tâm, có những học sinh khi đến ngưỡng cửa đại học vẫn loay hoay không biết chọn cho mình ngành nghề nào, vậy nên có hiện tượng sinh viên làm thêm hoặc đã ra trường ở lại làm việc nhảy cóc nhiều công ty thiếu sự kiên trì, do thiếu định hướng.

*Kinh phí du học:* Rất nhiều học bổng và hình thức học bổng toàn phần hay từng phần tuy nhiên, với những du học sinh lấy được học bổng một phần và tự túc hoàn toàn thì kinh phí là một vấn đề quan trọng. Nhiều du học sinh đến các nước Châu Âu, Mỹ khi đã quen môi trường, ngôn ngữ thành thạo có thể làm thêm để trang trải cuộc sống, tuy nhiên, số tiền ban đầu cần bỏ ra không nhỏ, dao động ở còn số hàng trăm đến hàng tỷ đồng. Theo nhiều trang mạng du học đăng tải muốn du học ở Mỹ người học cũng cần chứng minh tài chính của mình để đảm bảo người học có thể ổn định học hành và sang Mỹ một cách hợp pháp. Chi phí du học cũng tùy trường nhưng rơi vào khoảng 8.000 - 10.000 USD/năm chưa có các chi phí phát sinh và nhà ở. Chi phí để có thể sang Nhật cần đến 120-240 triệu đồng, bao gồm: chi phí học tiếng tại Việt Nam, làm hồ sơ du học, vé máy bay, học phí, tiền ký túc xá, tiền nhập học. Chi phí ăn ở, sinh hoạt và học phí từ 60-140 Man/năm. Học phí ở Úc bậc Thạc sĩ tùy theo vùng miền bạn muốn học. Tuy nhiên chi phí giao động trong khoảng 18.000 - 33.000 AUD (đô Úc)/năm.

*Hôn nhân và nhận con nuôi, du lịch*

Khó khăn phải kể đến ngoài rào cản ngôn ngữ đó là văn hóa, môi trường yêu cầu tính thích nghi cao. Nhiều người kết hôn hay được nhận làm con nuôi phải tuân thủ nhiều điều kiện khắt khe của các nước châu Âu, Mỹ về thời gian kết hôn, lý lịch...

Nếu du lịch theo tour ngày nay khá dễ dàng, thì du lịch tự túc đòi hỏi sự chứng thực lý lịch, nguồn tài chính, độ tin tưởng... những nước mà công dân Việt Nam khó nhận được visa đó là Mỹ hay một số nước Châu Âu như Ý, Pháp, Đức...

### 5. Kết luận

Trở thành công dân toàn cầu đang trở thành một xu thế tất yếu do sự hội nhập và phát triển của các quốc gia trong đó có Việt Nam. Cộng đồng người Việt ngày càng trở nên vững chắc ở nhiều nước. Để người Việt có thể trở thành công dân toàn cầu, đem lại lợi ích cho các cá nhân và đất nước thì cần có sự chung tay của nhà nước, các tổ chức, gia đình và các cá nhân. Nhà nước cần tiếp tục có những chính sách giúp đỡ, khuyến khích các cá nhân nỗ lực để hoàn thiện mình, có sự hợp tác hữu nghị thân thiện

(Xem tiếp trang 8)

lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Khắc phục tình trạng Đảng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước.

Đặc biệt, Đảng lãnh đạo toàn diện nhà nước, song “cần nhận thức đúng đắn tính tất yếu khách quan của việc giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước xuất phát từ bản chất cách mạng, khoa học, vai trò, sứ mệnh lịch sử của Đảng và mục tiêu lý tưởng đấu tranh của Đảng Cộng sản; xuất phát từ thực tiễn lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; xuất phát từ sứ mệnh lãnh đạo xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa của Đảng”<sup>19</sup>. Năng lực lãnh đạo của Đảng thể hiện trước hết ở việc xây dựng, kiện toàn, sử dụng và phát huy vai trò của bộ máy nhà nước. Sự tin yêu Nhà nước, sự tham gia tích cực của nhân dân vào quản lý nhà nước là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá năng lực lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

**Như vậy**, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một quá trình lâu dài, khó khăn và phức tạp. Quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân phải dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, pháp luật kiểu mới; quán triệt, vận dụng quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Với quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, trong sự đoàn kết,

thống nhất, chúng ta tin tưởng vào sự thành công của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. □

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2021, tr.174.
2. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
3. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, (dẫn theo [www.tapchicongsan.org.vn](http://www.tapchicongsan.org.vn) ngày 16/5/2021).
4. Hội đồng Lý luận Trung ương, *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2020.
5. GS, TS. Trần Ngọc Đường, *Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, tạp chí Tuyên giáo, tháng 4 năm 2021.
6. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị: Nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb Lý luận Chính trị, H.2018.
7. Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Tư pháp, H.2018.
8. Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Tư pháp, H.2018.

<sup>19</sup> Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, giáo trình Nhà nước và Pháp luật (dành cho hệ cao cấp lý luận chính trị), Nxb Lý luận Chính trị, H.2018, tr.69.

## NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA...

(Tiếp theo trang 18)

với nhiều nước có thể nhận công dân Việt Nam học tập và làm việc. Những gia đình muốn con, em mình trở thành công dân toàn cầu, cũng phải xác định mục đích rõ ràng, đầu tư sức của, sức người, bản thân những cá nhân cần nỗ lực không ngừng để khẳng định mình... Tuy vậy, hạn chế của xu thế này là chảy máu chất xám, nhiều người lao động kém hiểu biết bị dụ dỗ, xuất khẩu lao động “chui” gây tổn thất về người, về của. Vì vậy, nhà nước cần có chính sách tuyên truyền giáo dục, những người muốn đi du học, xuất khẩu lao động; đồng thời nhà nước cũng cần có chế tài xử phạt chặt chẽ, nghiêm minh hơn đối với những tổ chức, cá nhân trục lợi, “lách luật” làm tổn thất sức người, sức của, hình ảnh công dân Việt Nam cũng như Nhà nước Việt Nam. □

### Tài liệu tham khảo

1. Ngọc Hà (2018), *Du học tăng nói lên điều gì* <https://tuoitre.vn/du-hoc-tang-noi-len-dieu-gi-20181117211854024.htm>
2. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, tr.5.
3. Niên giám thống kê 2019, NXB Thống kê, tr.92.
4. Quy định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 “Quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập”.
5. Kim Thanh (2019), *Lao động xuất khẩu của Việt Nam đang ở đâu so với các nước?* <http://dangcongsan.vn/xa-hoi/lao-dong-xuat-khau-cua-viet-nam-dang-o-dau-so-voi-cac-nuoc-538257.html>.
6. Swinburne-vn, *3 tiêu chí của công dân toàn cầu là gì* <https://swinburne-vn.edu.vn/news/3-tieu-chi-cua-cong-dan-toan-cau-la-gi/>
7. Oxfam (2020), *What is Global Citizenship*. <https://www.oxfam.org.uk/education/who-we-are/what-is-global-citizenship/>
8. UNESCO (2015), *Global citizenship education: Topics and learning objectives*. Paris: UNESCO Publishing. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000232993>